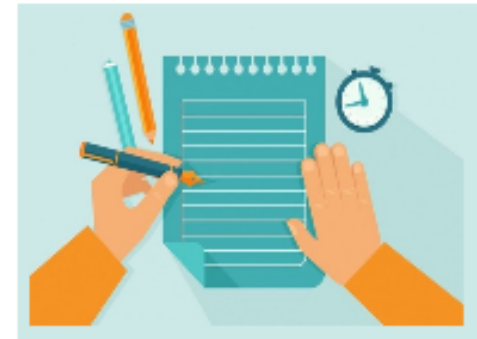




Mục tiêu bài học

**Thiết kế
Form**

Nội dung bài học

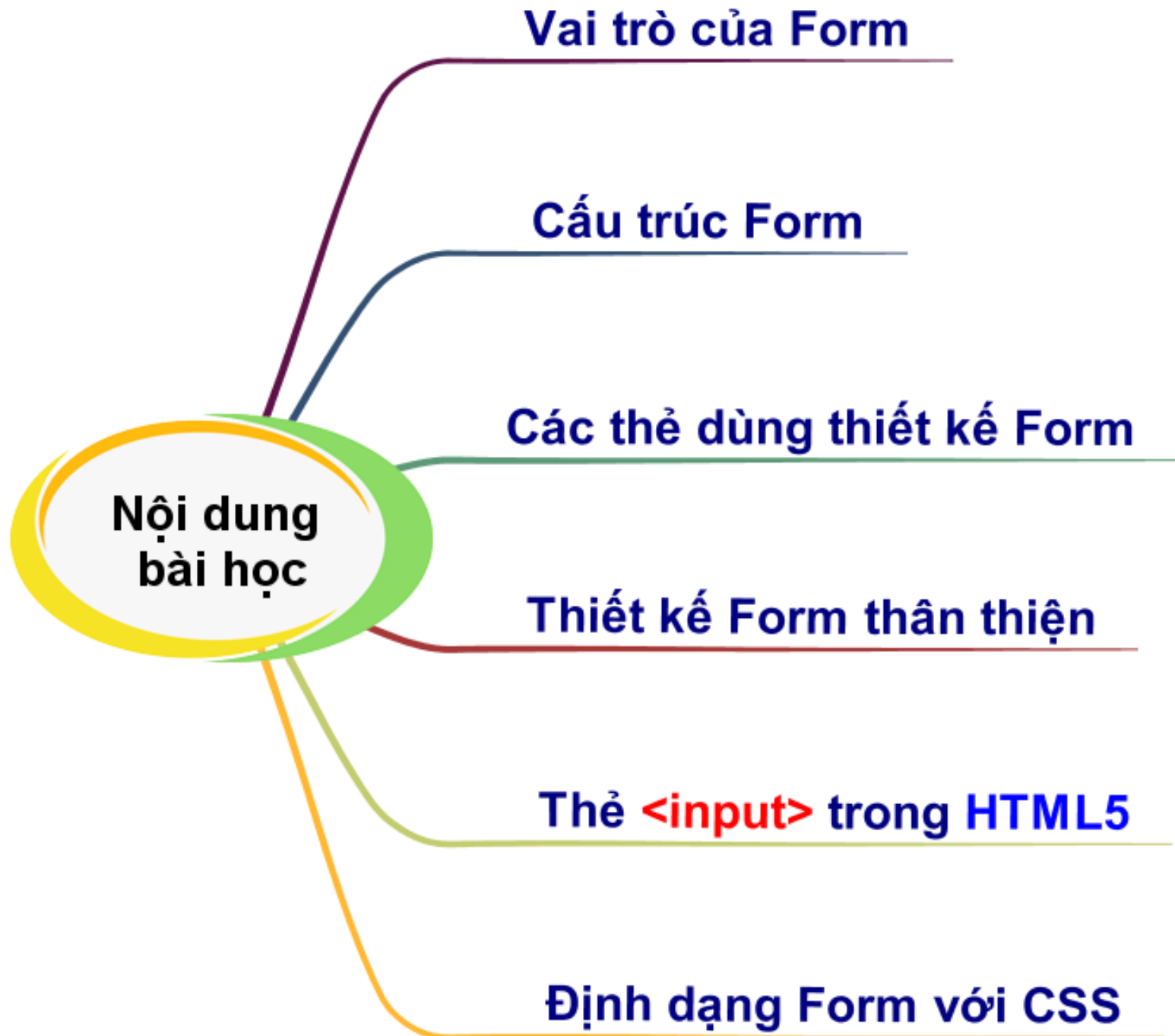




MỤC TIÊU BÀI HỌC

- ◎ HIỂU VAI TRÒ FORM
- ◎ THIẾT KẾ FORM
- ◎ ĐỊNH DẠNG FORM VỚI CSS







form

Google
Việt Nam

First name Surname

Mobile number or email address

Re-enter mobile number or email address

New password

Birthday

Day Month Year Why do I need to provide my date of birth?

☐ Female ☐ Male

By clicking Sign Up, you agree to our Terms and that you have read our Data Policy, including our Cookie Use.

Biểu mẫu là thành phần giao diện

Form ?

Công dụng

Nhận dữ liệu từ người dùng

Trình bày dữ liệu cho người dùng xem

Các Form thường gặp

Đăng ký, đăng nhập

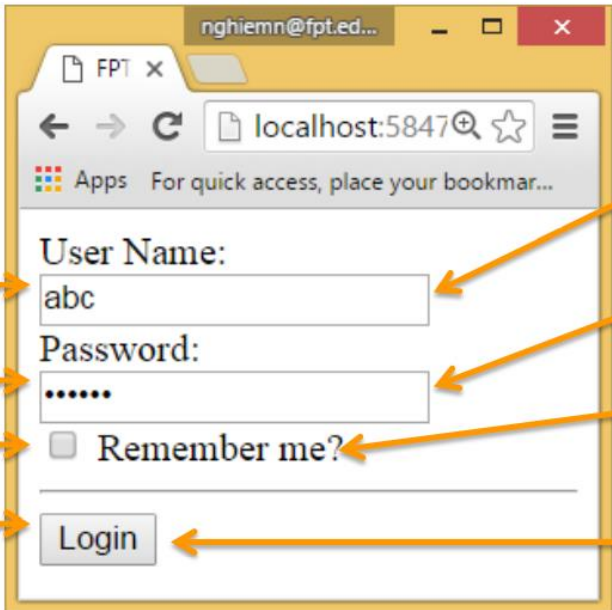
Tìm kiếm ...

**Vai trò
của Form**

Ví dụ biểu mẫu đăng nhập



VÍ DỤ BIỂU MẪU ĐĂNG NHẬP



The image shows a web browser window with a login form. On the left, four labels with arrows point to specific form elements: 'Textbox' points to the 'User Name' input field, 'Password' points to the 'Password' input field, 'Checkbox' points to the 'Remember me?' checkbox, and 'Button' points to the 'Login' button.

```
<form>  
  <label>User Name:</label><br />  
  <input name="id" type="text" />  
  <br />  
  <label>Password:</label><br />  
  <input name="pw" type="password" />  
  <br />  
  <label>  
    <input name="re" type="checkbox" />  
    Remember me?  
  </label>  
  <hr />  
  <button type="submit">Login</button>  
</form>
```





<form>

<input/>

<textarea/>

<select/>

<button/>

</form>

Cấu trúc

<form>...</form>

Bắt đầu và kết thúc biểu mẫu

<input/>

Tạo các điều khiển (textbox, checkbox, button...)

<textarea>

Tạo ô nhập nhiều dòng

<select>

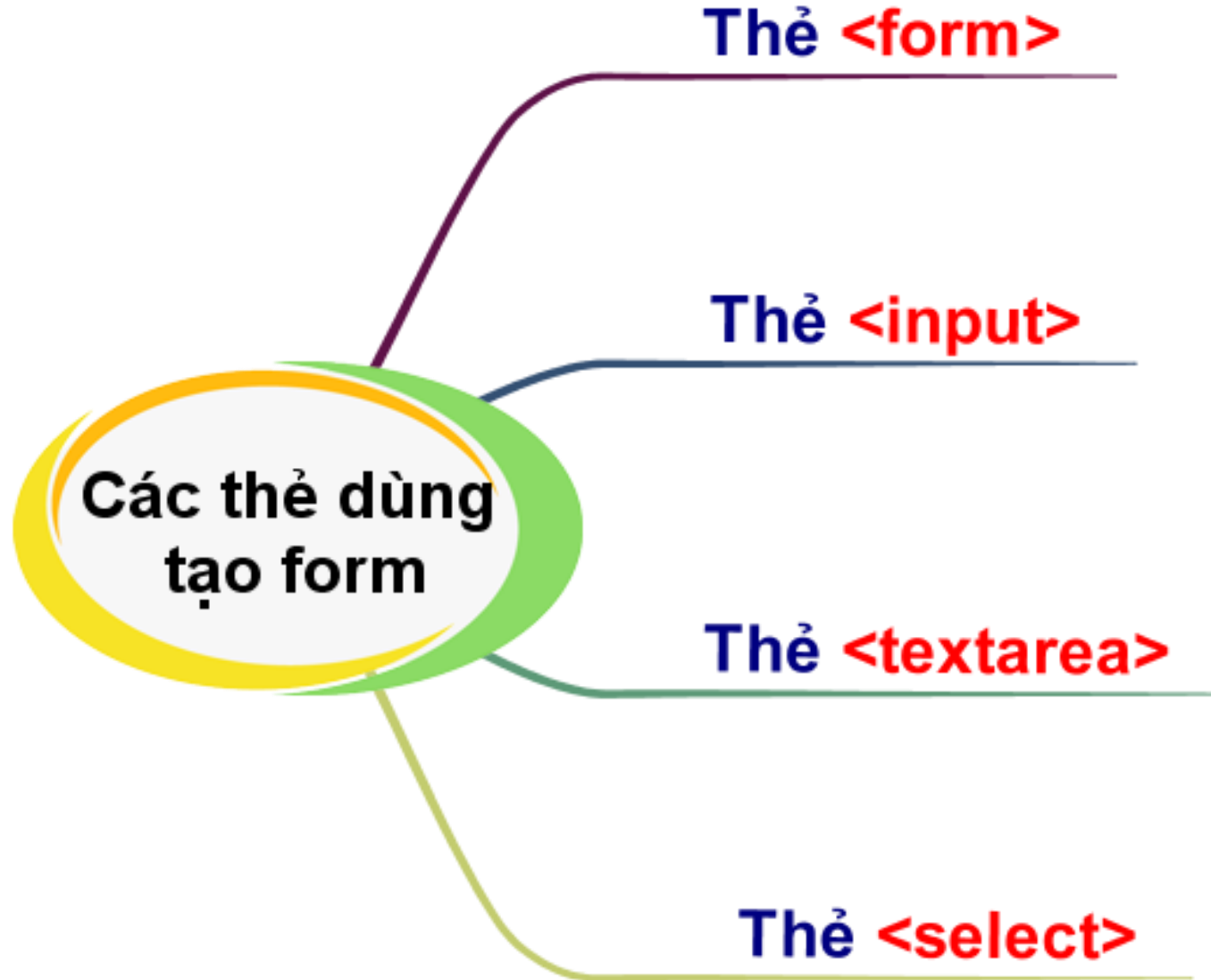
Tạo 2 điều khiển listbox và combobox

<button>

Tạo nút nhấn

**Cấu trúc
Form**







```
<form action="xu-ly.php"
      method="post"
      enctype="multipart/form-data">
  <!--Các điều khiển-->
</form>
```

Thẻ chứa các điều khiển trên form

Thẻ **<form>**

Các thuộc tính thường dùng

@action

Chỉ ra chương trình xử lý form trên server

@method

Phương thức truyền dữ liệu đến server (post hoặc [get])

@enctype

Kiểu đóng gói dữ liệu ([application/x-www-form-urlencoded], multipart/form-data, text/plain)





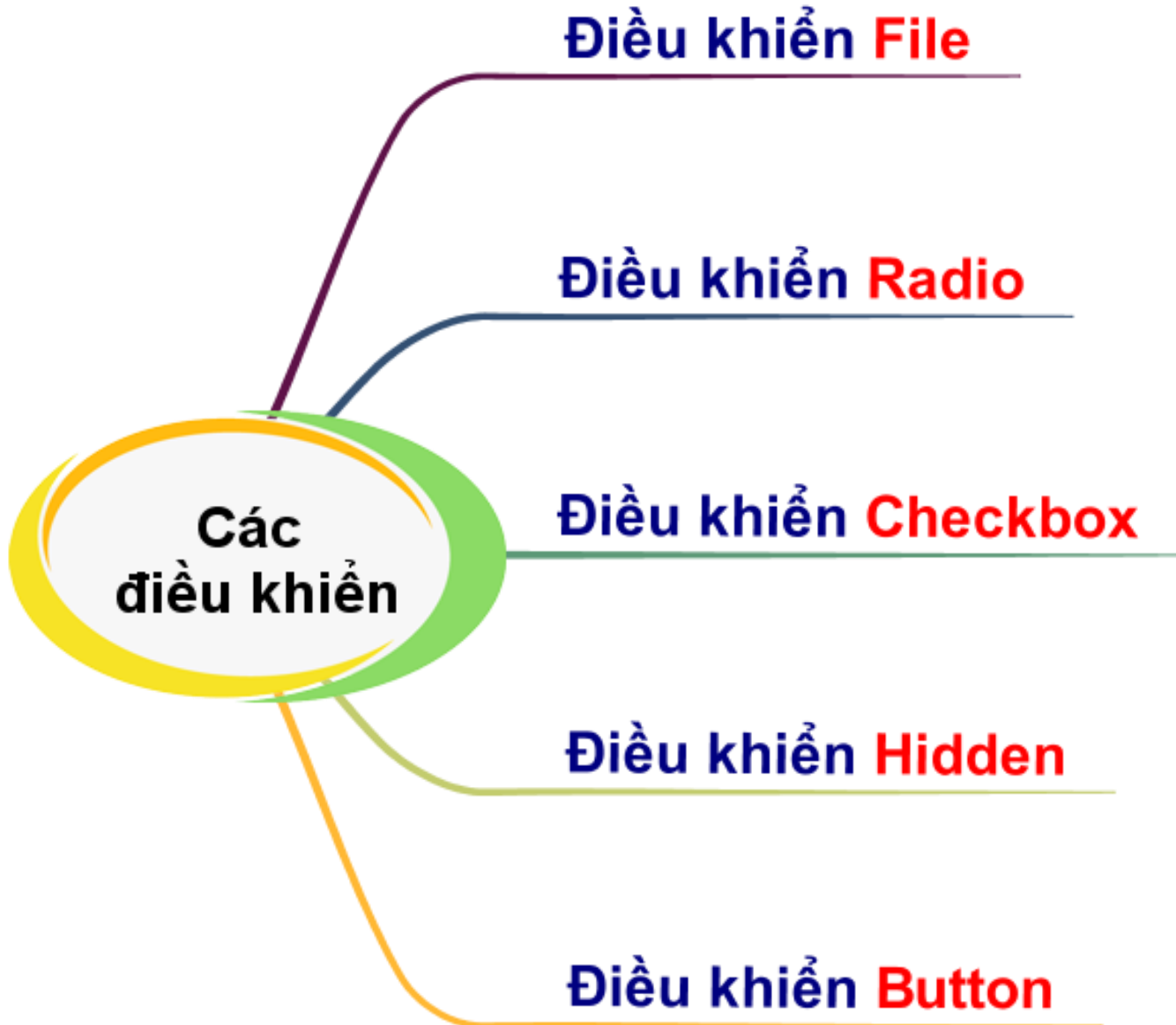
Thẻ **<input>** được sử dụng để tạo ra **10 điều khiển khác nhau** tùy vào giá trị của thuộc tính **@type**

Thẻ **<input>**

Các điều khiển

```
<input type="text" /><br />
<input type="password" /><br />
<input type="file" /><br />
<input type="checkbox" /><br />
<input type="radio" /><br />
<input type="hidden" /><br />
<input type="image" src="button.png"/><br />
<input type="button" value="Button" /><br />
<input type="submit" value="Submit" /><br />
<input type="reset" value="Reset" /><br />
```







Điều khiển File

`<input type="file">`

Được sử dụng để upload file lên server

Khi dùng ĐK file phải luôn kết hợp 2 tt

```
<form action="upload.php"
      method="post"
      enctype="multipart/form-data">

  <input type="file" name="photo" />

  <button>Upload</button>
</form>
```

@method="post"

@enctype="multipart/form-data"

Các ứng dụng ĐK file thường gặp

Gửi email có đính kèm file

Nộp hồ sơ xin việc qua mạng

Upload hình đại diện trên facebook, gmail...

Ví dụ về điều khiển File



VÍ DỤ ĐIỀU KHIỂN FILE

ngghiemn@fpt.ed...

FPT Polyte x

localhost:58473/Ba

Apps For quick access, place your bookmarks her...

ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN

User Name:

Password:

Full Name:

Photo:
 Choose File No file chosen

```
<h3>ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN</h3>
<form action="Register.php"
      method="post" enctype="multipart/form-data">
  <label>User Name:</label><br />
  <input name="id" type="text" /><br />

  <label>Password:</label><br />
  <input name="password" type="password" /><br />

  <label>Full Name:</label><br />
  <input name="fullname" type="text" /><br />

  <label>Photo:</label><br />
  <input name="photo" type="file" /><br />

  <hr />
  <button type="submit">Register</button>
</form>
```





Giới tính:

☒ Nam ☐ Nữ

Nhóm máu:

☐ A ☒ B ☐ AB ☐ O ☐ Hiếm

<input type="radio" name="?" checked>

Radio thường tồn tại theo nhóm

Mỗi nhóm có từ 2 Radio trở lên và chỉ chọn được 1

Những radio cùng tên sẽ tạo thành một nhóm

Thông tin thường được nhập thông qua lựa chọn radio

Ví dụ điều khiển radio

Điều khiển
Radio



VÍ DỤ ĐIỀU KHIỂN RADIO

```
<label>Giới tính:</label><br />
<label><input name="gender" type="radio" checked />Nam</label>
<label><input name="gender" type="radio" />Nữ</label><br />
```

```
<label>Nhóm máu:</label><br />
<label><input name="blood" type="radio" />A</label>
<label><input name="blood" type="radio" checked />B</label>
<label><input name="blood" type="radio" />AB</label>
<label><input name="blood" type="radio" />O</label>
<label><input name="blood" type="radio" />Hiếm</label><br />
```

gender

Giới tính:

☒ Nam ☐ Nữ

Nhóm máu:

☐ A ☒ B ☐ AB ☐ O ☐ Hiếm





Tình trạng hôn nhân: ☒ Độc thân?

Sở thích: ☐ Du lịch ☒ Thể thao ☐ Âm nhạc ☐ Đọc sách ☐ Ca hát

Điều khiển checkbox

Được dùng để nhập thông tin

Trạng thái có| không

- Có gia đình/độc thân
- Nam/nữ
- Còn/hết

Nhiều lựa chọn

- Sở thích: Đọc sách, Nghe nhạc, Du lịch, Thể thao...
- Chức danh: Giám đốc, kế toán trưởng, kỹ thuật viên...

Ví dụ checkbox



VÍ DỤ CHECKBOX

```
<div>
  Tình trạng hôn nhân
  <label><input name="status" type="checkbox" />Độc thân?</label>
</div>
<div>
  Sở thích
  <label><input name="hobby" type="checkbox" value="1" />Thể thao</label>
  <label><input name="hobby" type="checkbox" value="2" />Âm nhạc</label>
  <label><input name="hobby" type="checkbox" value="3" />Du lịch</label>
  <label><input name="hobby" type="checkbox" value="4" />Khác</label>
</div>
```

Tình trạng hôn nhân ☐ Độc thân?

Sở thích ☐ Thể thao ☐ Âm nhạc ☐ Du lịch ☐ Khác





Điều khiển Hidden

`<input type="hidden" name="?" value="?">`

Dùng để chứa dữ liệu không muốn user nhìn thấy

Điều khiển này người thiết kế giao diện không cần quan tâm đến mà thường được sử dụng bởi người lập trình

Các ứng dụng thường gặp

Chứa các giá trị mặc định

Chứa các giá trị do lập trình tính toán mà có





`<input type="submit|reset|button|image" value="?" />`

Điều khiển Button

Có 4 dạng nút nhấn

- `<input type="submit" value="Submit" />`
 - gửi dữ liệu form đến server để xử lý
- `<input type="image" src="button.png" width="80" height="30"/>`
 - gửi dữ liệu form đến server để xử lý
- `<input type="reset" value="Reset" />`
 - khởi tạo lại trạng thái ban đầu của form
- `<input type="button" value="Button" />`
 - không có chức năng mặc định mà phải cài đặt mã riêng cho nút này





Tạo ô nhập nhiều dòng

Thẻ <textarea>

Cú pháp

<textarea rows="?" cols="?"...>

Row

Xác định chiều cao của textarea dựa trên số dòng văn bản nhìn thấy

Cols

Xác định độ rộng của textarea trên cơ sở độ rộng các ký tự nhìn thấy

Ví dụ

```
<label>Ghi chú:</label><br/>  
<textarea rows="5" cols="40"></textarea>
```

Ghi chú:





`<select multiple size=?>`

Dùng để tạo danh sách mục chọn

Thẻ
`<select>`

Phân loại

ComboBox

Là ds các mục chỉ cho phép chọn 1

ListBox

Là ds các mục cho chọn nhiều

Ví dụ

```
<select>
  <option>Mục 1</option>
  <option>Mục 2</option>
  <option>Mục 3</option>
  <option>Mục 4</option>
  <option>Mục 5</option>
</select>
```

Mục 1 ▼

ComboBox

```
<select multiple size="4">
  <option>Mục 1</option>
  <option>Mục 2</option>
  <option>Mục 3</option>
  <option>Mục 4</option>
  <option>Mục 5</option>
</select>
```

Mục 1
Mục 2
Mục 3
Mục 4 ▼

ListBox





Thẻ **< button >**

Thiết kế **Form**
thân thiện

Thẻ **< fieldset >** , **< legend>** và **< label >**

Các thuộc tính **quan trọng** của điều khiển





Được sử dụng để tạo nút nhấn thay cho thẻ **<input>**.
<button> cho phép tạo nút có nhấn phong phú hơn

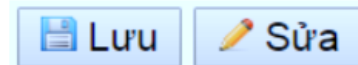
Thẻ **< button >**

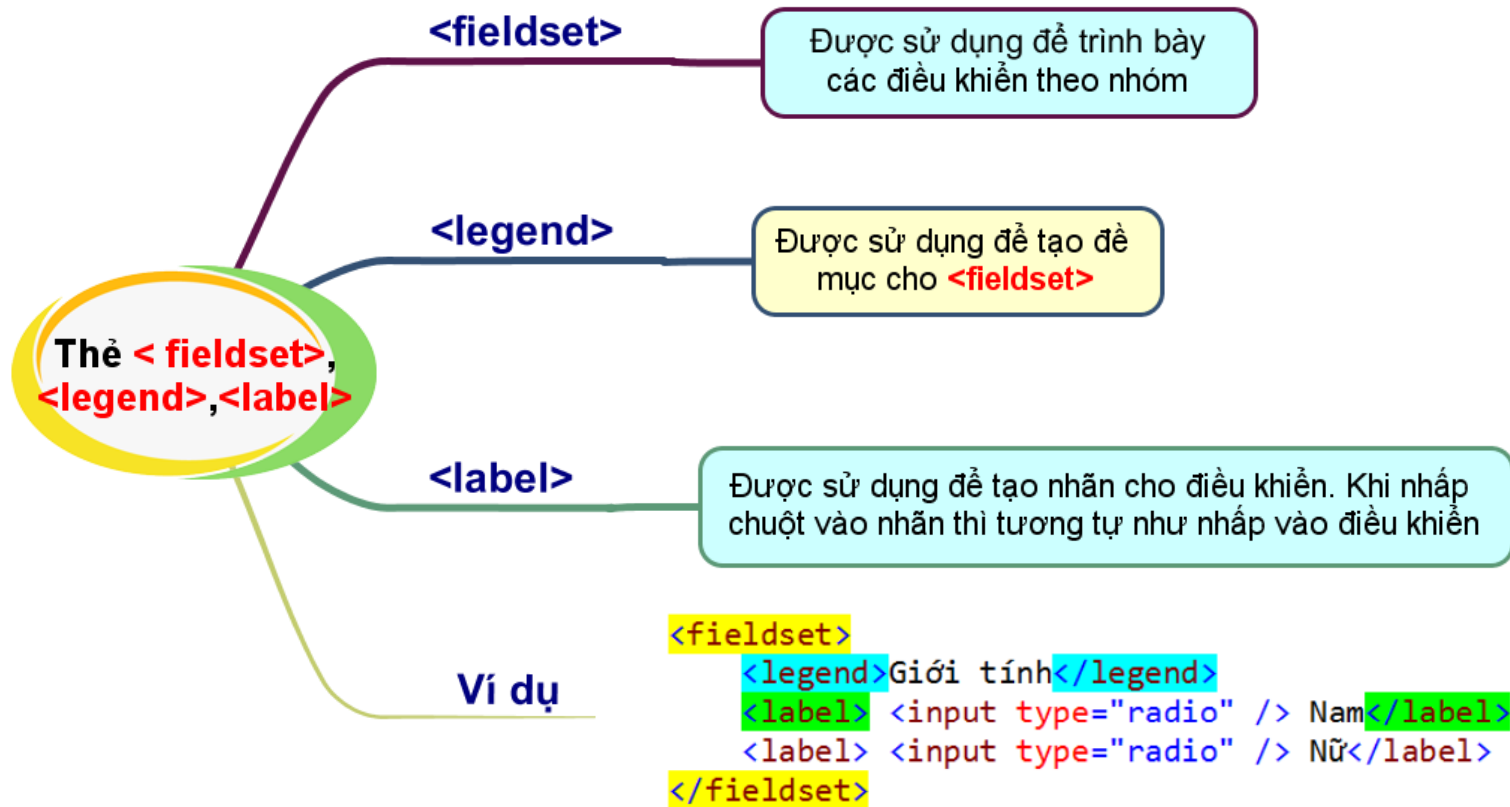
Có 3 dạng nút nhấn

- **<button type="submit">**Submit</button>
 - Gửi dữ liệu form đến server để xử lý (chức năng mặc định)
- **<button type="reset">**Reset</button>
 - Khởi tạo lại trạng thái ban đầu của form
- **<button type="button">**Button</button>
 - Không có chức năng mặc định mà phải cài đặt mã riêng cho nút này

Ví dụ

- **<button> Lưu</button>**
- **<button> Sửa</button>**





Giới tính

☐ Nam ☐ Nữ

```
<fieldset>
  <legend>Giới tính</legend>
  <input type="radio" id="M" />
  <label for="M"> Nam</label>

  <input type="radio" id="F" />
  <label for="F"> Nữ</label>
</fieldset>
```





@placeholder

Gợi ý người sử dụng

@readonly

Chỉ đọc (không sửa được)

@disabled

Vô hiệu hóa điều khiển

@tabindex

Thứ tự khi nhấn phím tab

**Các thuộc tính
quan trọng của
Điều khiển**

Ví dụ

The diagram illustrates a form with four input fields and two buttons. The first field contains the placeholder text "Email Address". The second field contains the value "50". The third field is empty. The fourth field is disabled. The buttons are labeled "OK" and "Cancel". Arrows point from the form elements to the corresponding HTML code:

```
<input tabindex="1" placeholder="Email Address" />  
<input tabindex="2" value="50" readonly />  
<input tabindex="3" />  
<button tabindex="4">OK</button>  
<button disabled>Cancel</button>
```





Với **HTML5** giá trị thuộc tính **@type** của thẻ **<input>** được mở rộng nhằm tạo ra nhiều loại điều khiển hơn, thuận tiện và thân thiện với người sử dụng

Thẻ **<input>** trong **HTML5**

Các điều khiển mới khi dùng **<input>** với **@type**

- **@type=**date
- **@type=**time
- **@type=**week
- **@type=**color
- **@type=**number
- **@type=**range
- **@type=**email

Điều khiển mới khi kết hợp 2 thẻ

<input> với **@list** + **<datalist>**

Tạo ô nhập có lựa chọn các mục đã được định nghĩa sẵn



09/14/2016 x ▴ ▾

September 2016 ▾ ◀ ▶

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
28	29	30	31	1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	1

`<input type="date" />`

June 2016 x ▴ ▾

June 2016 ▾ ◀ ▶

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
29	30	31	1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30	1	2

`<input type="month" />`

Week 36, 2016 x ▴ ▾

September 2016 ▾ ◀ ▶

Week	Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
35	28	29	30	31	1	2	3
36	4	5	6	7	8	9	10
37	11	12	13	14	15	16	17
38	18	19	20	21	22	23	24
39	25	26	27	28	29	30	1

`<input type="week" />`

3 ▴ ▾

`<input type="number"
min="1" max="9" step="1" />`

Range slider

`<input type="range"
min="1" max="9" step="1" />`

08:03 AM x ▴ ▾

`<input type="time" />`

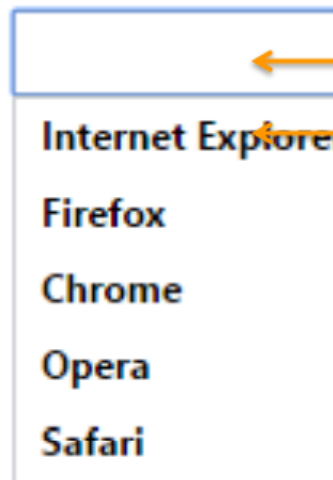
Color picker (red)

`<input type="color" />`

Email input field

`<input type="email" />`





Internet Explorer

Firefox

Chrome

Opera

Safari

```
<input list="browsers">  
<datalist id="browsers">  
  <option value="Internet Explorer">  
  <option value="Firefox">  
  <option value="Chrome">  
  <option value="Opera">  
  <option value="Safari">  
</datalist>
```





Tên đăng nhập

Mật khẩu

☐ Ghi nhớ tài khoản?

■ Các ô nhập

- Bo góc
- Làm bóng
- Màu chữ
- Lề
- Khoảng đệm
- **Focus**

Tên đăng nhập

FPT Polytechnic

Mật khẩu

.....

☐ Ghi nhớ tài khoản?

■ Nút

- Bo góc
- Làm bóng
- Lề
- Khoảng đệm
- **Focus**
- **Disabled**

Form chưa định dạng

Định dạng
Form

Form có định dạng

Ví dụ định dạng form



FORM CHƯA ĐỊNH DẠNG

```
<div>
  <label>Tên đăng nhập</label>
  <input type="text"/>
</div>
<div>
  <label>Mật khẩu</label>
  <input type="password"/>
</div>
<div>
  <label>
    <input type="checkbox" />
    Ghi nhớ tài khoản?
  </label>
</div>
<div>
  <button>Đăng nhập</button>
  <button disabled>Hủy</button>
</div>
```

Tên đăng nhập

Mật khẩu

☐ Ghi nhớ tài khoản?





Form có định dạng

Các thuộc tính của **Box model**

Kích thước, đường bao, lề, khoảng đệm, nền, bóng, bo góc...

Thuộc tính **outline**

Thiết lập đường bao ngoài cho các điều khiển đang nhận **focus**

Các **selector** hay dùng

Selector: focus

Chọn các thẻ theo **selector** đang có **focus**.

-Ví dụ: **input:focus{}** chọn các thẻ input đang có focus

Selector: disabled

Chọn các thẻ theo selector có thuộc tính **disabled**.

Ví dụ: **button:disabled{}** chọn các thẻ button có thuộc tính disabled



FORM CÓ ĐỊNH DẠNG

```
<div class="form-group">
  <label>Tên đăng nhập</label>
  <input type="text" class="form-control" />
</div>
<div class="form-group">
  <label>Mật khẩu</label>
  <input type="password" class="form-control" />
</div>
<div class="form-group">
  <label>
    <input type="checkbox" />
    Ghi nhớ tài khoản?
  </label>
</div>
<div class="form-group">
  <button class="button">Đăng nhập</button>
  <button class="button" disabled>Hủy</button>
</div>
```

? .form-group
.form-control
.button

Tên đăng nhập

FPT Polytechnic

Mật khẩu

.....

☐ Ghi nhớ tài khoản?

Đăng nhập

Hủy



.FORM-GROUP

```
.form-group{  
  margin:10px 2px;  
}
```

```
<div class="form-group">  
  <label>Tên đăng nhập</label>  
  <input type="text" class="form-control" />  
</div>
```

Tên đăng nhập
FPT Polytechnic

Mật khẩu
.....

☐ Ghi nhớ tài khoản?

Đăng nhập Hủy



.FORM-CONTROL

```
.form-control{  
  margin:3px 0px;  
  padding:5px;  
  border:none;  
  width:200px;  
  border-radius:3px;  
  box-shadow:0 0 3px blue;  
  color: orangered;  
  display:block;  
  outline: none;  
}  
.form-control:focus{  
  box-shadow:0 0 3px orangered;  
}
```

```
<input type="text" class="form-control" />
```

Tên đăng nhập

FPT Polytechnic

Mật khẩu

.....|

☐ Ghi nhớ tài khoản?

Đăng nhập

Hủy



.BUTTON

```
.button{  
  border:none;  
  border-radius:3px;  
  box-shadow:0 0 3px gray;  
  padding:5px 10px;  
  outline: none;  
}  
.button:focus{  
  box-shadow:0 0 3px orangered;  
  color:orangered;  
}  
.button:disabled{  
  text-decoration:line-through;  
}
```

```
<button class="button">Đăng nhập</button>  
<button class="button" disabled>Hủy</button>
```

Tên đăng nhập

FPT Polytechnic

Mật khẩu

.....

☐ Ghi nhớ tài khoản?

Đăng nhập

Hủy

